TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền.

2. Bà Lục Thị Xinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị K, sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Lầu A K, sinh năm 1994 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị Thu H. Chức vụ: Giám đốc. Ông Tống Văn M, chức vụ: Phó Giám đốc được đại diện theo văn bản ủy quyền số 138/GUQ-NHCS ngày 22/6/2021 (Có mặt).

3.2. Ông Lầu A D (Vắng mặt).

3.3. Bà Hoàng Thị M (Vắngmặt).

Đều có Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

3.4. Chị Lầu Thị D (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

4. Người phiên dịch: Ông Ngô Văn P(Vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Lý Thị K trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị K và anh Lầu A K có được tìm hiểu tình cảm với nhau rồi tự nguyện đi đến hôn nhân từ năm 2012. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà ở với bố mẹ anh K tại Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình vợ chồng sống chung hòa thuận, cùng nhau làm kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc. Năm 2019 thì vợ chồng đi làm công ty ở tỉnh Bắc Ninh, ăn ở cùng nhau quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Do anh K đi làm công ty khác được một thời gian, ngày 21/7/2020 thì anh K có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Anh K đã có hành vi bạo lực với chị K. Nên chị K đã về quê bên ngoại ở Tuyên Quang sinh sống. Sau đó anh K có về xin lỗi chị K và viết cam kết không xảy ra chuyện đó nữa được chị K lượng thứ. Vì tình cảm, vì con nên chị K quyết định về chung sống với anh K. Nhưng ngày 12/3/2021 thì chị K lại phát hiện anh K chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Lần này chị K không thể chấp nhận việc anh K lặp lại không giữ lời hứa buộc chị K phải về quê bên ngoại sinh sống ly thân với anh K từ tháng 3/2021 đến nay. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K xin đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nhất quyết được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị Lý Thị K và anh Lầu A K có 02 con chung là Lầu Mai D, sinh ngày 27/02/2012 và Lầu Văn T, sinh ngày 24/9/2013. Hiện nay hai con ở với bố và ông bà nội tại Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; hai con khỏe mạnh ăn ở học tập bình thường. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lầu Mai D và đồng ý cho anh K được trực tiếp

trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lầu Văn T, không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Tuy nhiên, chị K đồng ý theo nguyện vọng của hai con chung và anh K. Nếu anh K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và cả hai con chung có nguyện vọng muốn được ở với bố thì chị K đồng ý giao cả hai con chung cho anh K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như mức cấp dưỡng anh K đề nghị mỗi con 500.000đ/tháng, cả hai con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị K trình bày giữa chị và anh K có những tài sản chung sau.

01 (một) xe máy Honđa Winner X, mua năm 2020, trị giá 49.000.000đ. Nguồn tiền mua xe là tiền lương của vợ chồng đi làm công ty. Xe mua trả góp, vợ chồng đã cùng nhau trả đến tháng 3 năm 2021. Từ tháng 4 năm 2021 anh K tự trả.

Tiền mặt 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng chẵn). Trong đó có 50.000.000đ là tiền lương của vợ chồng đi làm công ty tại tỉnh Bắc đã gửi về nhờ bố mẹ anh K là ông Lầu A D và bà Hoàng Thị M giữ hộ. Tuy nhiên, số tiền 50.000.000đ bố mẹ anh K đã sử dụng hết vào việc mua ruộng .

Tiền mặt 10.000.000đ là tiền lương của vợ chồng đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh đã gửi cho em gái anh K là chị Lầu Thị D vay.

Tiền mặt 30.000.000đ là tiền vợ chồng vay Ngân hàng Chính sách xã hội. Sau khi vay chưa có nhu cầu sử dụng nên đã gửi nhờ bố mẹ anh K là ông Lầu A D và bà Hoàng Thị M giữ hộ. Tuy nhiên số tiền 30.000.000đ bố, mẹ anh K đã sử dụng hết vào việc mua ruộng.

Quan điểm của chị K khi ly hôn thì yêu cầu được chia ½ mỗi người là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn); đối với chiếc xe thì chia giá trị, chị nhất trí trừ đi số tiền anh K tự trả góp từ tháng 4 năm 2021 và số tiền trả góp phải trả tiếp cho anh K.

Về nợ chung: Chị Lý Thị K và anh Lầu A K có hai khoản nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C như sau:

Khoản vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 20.000.000đ, vay ngày 27/11/2017, ngày đến hạn trả nợ là 05/11/2022, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.

Khoản vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 30.000.000đ, vay ngày 05/9/2019, ngày đến hạn trả nợ là 05/9/2024, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.

Chị K và anh K mỗi người sẽ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là ½ và lãi phát

sinh cho ngân hàng khi đến hạn trả nợ.

2. Bị đơn anh Lầu A K trong đơn đề nghi, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận quá trình tìm hiểu đi đến kết hôn của anh và chị K, như chị K đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Ngày 17/10/2017 vợ chồng cùng nhau đi làm công ty trong cùng một công ty tại Bắc Ninh. Làm chung được khoảng một năm thì anh chuyển đi làm ở công ty khác, chị K vẫn làm công ty cũ. Lúc đó vợ chồng vẫn sống chung phòng trọ, anh vẫn yêu thương, quan tâm, chăm sóc chị K nhưng chị K luôn ghen tuông vô cớ, chị K nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác. Cho đến cuối tháng 3 năm 2021 thì chị K nghỉ làm công ty, chị về X mấy hôm rồi về quê ngoại ở Tuyên Quang sống. Còn anh vẫn tiếp tục đi làm công ty. Mặc dù, chị K có nghi ngờ, ghen tuông vô cớ nhưng anh khẳng định quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra xảy ra mâu thuẫn gì lớn trầm trọng đến mức phải ly hôn. Anh chỉ được tát chị K hai cái. Chỉ vì chị K ghen tuông vô cớ mà chị bỏ về quê ngoại sống và làm đơn xin ly hôn. Anh không được đi ngoại tình, không được chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị K, mong muốn chị K quay về đoàn tụ, chung sống với nhau.

Về con chung: Anh K khẳng định vợ chồng có 02 con chung tên là Lầu Mai D, sinh ngày 27/02/2012 và Lầu Văn T, sinh ngày 24/9/2013. Hiện nay các con chung đang ở với anh và ông bà nội tại thôn P, xã X. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Anh yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi con là 500.000đ/1 tháng, cả hai con là 1.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung: Giữa anh K và chị K đi làm công nhân công ty có số tiền mặt là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Hiện nay đã cho chị Lầu Thị D (em gái anh K) vay. Nếu chị D trả được 10.000.000đ thì chia mỗi người ½.

Đối với chiếc xe máy Honđa Winner X thì đây là tài sản riêng của anh. Anh mua vào tháng 7 năm 2020 với giá 49.000.000đ. Anh mua trả góp hàng tháng. Đến nay vẫn chưa trả hết, còn nợ 6.000.000đ. Hằng tháng anh tự trả tiền trả góp. Đây là tiền riêng của anh kiếm được, không có đóng góp của chị K. Nên anh được toàn quyền sở hữu chiếc xe máy.

Đối với số tiền 80.000.000đ . Trong đó có 50.000.000đ vợ chồng đi làm công ty mà có và đã gửi cho bố mẹ anh K để trả tiền nợ ngân hàng; còn 30.000.000đ anh K bị bệnh nên phải mổ đã mang đi dùng hết chữa bệnh cho anh.

Về nợ chung: Anh K khẳng định giữa anh và chị K có hai khoản nợ chung tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C như sau:

Khoản vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 20.000.000đ, vay ngày 27/11/2017, ngày đến hạn trả nợ là 05/11/2022, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.

Khoản vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 30.000.000đ, vay ngày 05/9/2019, ngày đến hạn trả nợ là 05/9/2024, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.

Nếu buộc phải ly hôn thì giữa chị K và anh K mỗi người sẽ có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh của hai khoản vay cho ngân hàng khi đến hạn trả nợ.

3. Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1.Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C trình bày: Căn cứ vào hồ sơ vay vốn hiện đang lưu trữ tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C thì người đại diện hộ gia đình đứng tên trên sổ vay vốn là anh Lầu A K có khoản vay như sau.

Khoản vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 20.000.000đ, vay ngày 27/11/2017, ngày đến hạn trả nợ là 05/11/2022, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.

Khoản vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 30.000.000đ, vay ngày 05/9/2019, ngày đến hạn trả nợ là 05/9/2024, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.

Tại thời điểm xét xử tính hết ngày 23/9/2021 thì vợ chồng anh K chị K tiền gốc còn nợ ngân hàng là: 50.000.000đ (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn) và số tiền lãi phát sinh.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định hiện hành của pháp luật, trên nguyên tắc yêu cầu hộ gia đình ông Lầu A K và bà Lý Thị K phải hoàn trả hết nợ vay và lãi phát sinh cho NHCSXH trước khi tiến hành phân chia tài sản chung, đảm bảo thu hồi được vốn cho nhà nước. Tuy nhiên, bà K, anh K cùng có trách nhiệm trả hai khoản nợ gốc và lãi phát sinh nói trên.

3.2. Ông Lầu A D và bà Hoàng Thị M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, trong quá trình tố tụng trình bày:

Ông D và bà M thừa nhận chị K và anh K trong thời gian đi làm công ty có gửi về cho ông bà số tiền 50.000.000đ và ông, bà đã được nhận là có thật. Nhưng ông, bà đã sử dụng hết số tiền 50.000.000đ này để trả tiền mua ruộng. Ông D và bà M cũng

thừa nhận, chị K và anh K có nhờ ông, bà giữ hộ số tiền 30.000.000đ, đây là tiền chị K và anh K vay ngân hàng, chưa có nhu cầu sử dụng nên nhờ ông, bà giữ hộ. Nhưng ông D, bà M đã sử dụng hết số tiền 30.000.000đ này để trả tiền mua ruộng. Nay ông, bà nhất trí trả lại số tiền 50.000.000đ, và số tiền 30.000.000đ cho chị K và anh K. Nhưng hiện tại ông D bà M chưa có tiền để trả.

3.3. Chị Lầu Thị D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày:

Chị thừa nhận có được vay số tiền 10.000.000đ với chị K và anh K. Khi vay không viết giấy vay, không thỏa thuận thời hạn vay, không hẹn ngày trả, không tính lãi suất. Ngày 07/7/2021 chị D đã trả cho anh K toàn bộ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) bằng hình thức gửi vào tài khoản ngân hàng của anh K. Nay chị đã trả hết nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

3.4. Ý kiến của hai con chung Lầu Mai D, sinh ngày 27/02/2012 và Lầu Văn T, sinh ngày 24/9/2013, nếu bố, mẹ buộc phải ly hôn nhau thì có nguyện vọng được ở với bố.

3.5. Ngày 20/7/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân mâu thuẫn giữa chị K với anh K; Xác minh điều kiện nuôi con của anh K tại Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 09/7/2021 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải chị K, anh K không đề nghị phải có mặt ông Lầu A D, Hoàng Thị M, Lầu Thị D. Tại biên bản lấy lời khai của Lầu Thị D ngày 23/8/2021 và biên bản lấy lời khai của ông Lầu A D và Hoàng Thị M ngày 27/8/2021 thì chị D và ông D, bà M không có ý kiến đối với việc vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa chị Lý Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết toàn bộ phần tài tài sản chung gồm có: Khoản 10.000.000đ vợ chồng cho chị Lầu Thị D vay; khoản 50.000.000đ, gửi cho bố, mẹ anh K là ông Lầu A D, bà Hoàng Thị M giữ hộ; Khoản 30.000.000đ, gửi cho bố, mẹ anh K là ông Lầu A D, bà Hoàng Thị M giữ hộ và 01 (Một) chiếc xe máy Honđa Winner X. Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung; nợ chung.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến : Việc tuân theo pháp luật trong tố tụng và ý kiến việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, từ khi thụ lý cho đến thời điểm trước khi nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội D: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Cho chị Lý Thị K được ly hôn anh Lầu A K.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81,82,83,84 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Giao hai con chung là Lầu Mai D, sinh ngày 27/02/2012 và Lầu Văn T, sinh ngày 24/9/2013 cho anh Lầu A K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi con là 500.000đ/tháng; cả hai con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu đề nghị giải quyết về phần tài sản chung, đề nghị đình chỉ không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Buộc chị Lý Thị K và anh Lầu A K phải có trách nhiệm trả ½ số tiền vay gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng Phòng giao dịch huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, theo hai hợp đồng vay tiền đã ký kết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Lý Thị K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa: Bị đơn anh Lầu A K có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lầu Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lầu A D và Hoàng Thị M (ông Ngô Văn P người phiên dịch cho ông D bà M) vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định hoãn phiên tòa hoặc tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu giải quyết về phần tài sản chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử hỏi nguyên đơn về việc thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa thì nguyên đơn chị Lý Thị K rút yêu cầu xem xét giải quyết về phần tài sản chung. Vì

vậy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với phần ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và nợ chung. Hội đồng xét xử thấy đối với anh Lầu A K đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ vụ án anh K đã có bản tự khai, biên bản ghi lời khai, có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh K đã có ý kiến về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh K giữ nguyên ý kiến và lời khai. Mặt khác anh K không có yêu cầu phản tố. Đối với chị Lầu Thị D vắng mặt nhưng đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị D giữ nguyên lời khai, đã khai trong biên bản ghi lời khai, chị D không có yêu cầu độc lập, chị D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với ông Lầu A D và bà Hoàng Thị M tại phiên tòa ngày 27/8/2021 có mặt, ông D và bà M đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa ngày 24/9/2021 vắng mặt không có lý do, thấy trong hồ sơ vụ án đã có biên bản ghi lời khai của ông D và bà M, ông D và bà M không có yêu cầu độc lập. Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa ngày 24/9/2021 nguyên đơn chị Lý Thị K không yêu cầu xem xét giải quyết về phần tài sản chung. Hội đồng xét xử thấy chị Lý Thị K không yêu cầu xem xét giải quyết về phần tài sản chung là không ảnh hưởng đối với phần giải quyết ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung và không ảnh hưởng đến quyền lợi về phần tài sản chung của vợ chồng, của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác tại phiên tòa chị Lý Thị K, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách, Phòng giao dịch huyện C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị hoãn phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đối với phần ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung theo quy định.

[2]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xác định được chị Lý Thị K và anh Lầu A K có tìm hiểu tình cảm và đi đến kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh K là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố, mẹ anh K ở Thôn P, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017, do vợ chồng đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh, trong thời gian làm công ty vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị K nghi ngờ anh K đi chung sống với người phụ nữ khác, và anh K đánh chị K hai lần vào vai chị K, làm cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị K và anh K hàn gắn đoàn tụ nhưng

không thành. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn; kiên quyết xin được ly hôn anh K. Tuy nhiên, anh K thừa nhận được đánh chị K một hai lần lý do đánh do chị K nghen tuông anh đi với người phụ nữ khác, anh K xác định vẫn còn tình cảm với chị K, mong muốn chị K quay về đoàn tụ, chung sống với nhau. Tại phiên tòa chị K đề nghị nhất quyết xin được ly hôn anh K.

Kết quả xác minh với ông Lầu A D và bà Hoàng Thị M là bố mẹ anh K thì cho thấy: Quá trình chung sống chị K và anh K thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau và anh K có được dùng tay đánh vào vai chị K.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh K có mâu thuẫn, có hành vi cãi nhau, đánh nhau hai lần và đã chính thức sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 3/2021 đến nay, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình có nội dung:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

...".

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị K xin được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác định được chị K và anh K có hai con chung là Lầu Mai D và Lầu Văn T hiện nay đang ở với bố và ông, bà nội khỏe mạnh ăn, ở học tập, phát triển bình thường, xét thấy chị K và anh K đều lao động tự do, không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, chưa có nhà ở riêng, sống phụ thuộc ở chung nhà bố, mẹ anh K, chị K ly thân từ tháng 3/2021 sống phụ thuộc ở chung nhà người thân chú ruột ở Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Về điều kiện nuôi con: Thấy anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai anh K có trong hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, anh K có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu chị K cấp dưỡng mỗi con 500.000đ/tháng, cả hai con là 1.000.000đ/tháng. Hai con chung có nguyện vọng muốn được ở với bố. Thấy chị K quá trình giải quyết vụ án chị K có nguyện vọng được nuôi con chung Lầu Mai D nên không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Nhưng tại phiên tòa chị K trình bày, theo nguyện vọng của hai con chung nếu bố, mẹ buộc phải ly hôn

nhau thì cả hai con muốn được với bố và anh K có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai con chung, tại phiên tòa được chị K đồng ý. Vì vậy, giao cả hai con chung cho anh K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi hai con chung quá trình giải quyết vụ án chị K không nhất trí theo yêu cầu của anh K đề nghị mức cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Bởi vì chị K có nguyện vọng được con chung Lầu Mai D, nhưng tại phiên tòa chị K nhất trí cấp dưỡng tiền cho mỗi con chung là 500.000đ/ tháng và cả hai con chung là 1.000.000đ/tháng.

[4]. Về tài sản chung: Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị K xin rút yêu cầu đối với phần tài sản chung, xem xét việc chị K xin rút yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về nợ chung: Chị K và anh K thừa nhận vợ chồng có khoản vay như sau tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C: Vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 20.000.000đ, vay ngày 27/11/2017, ngày đến hạn trả nợ là 05/11/2022, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản.Vay theo chương trình hộ nghèo: số tiền gốc vay là 30.000.000đ, vay ngày 05/9/2019, ngày đến hạn trả nợ là 05/9/2024, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, mục đích xin vay: mua trâu sinh sản. Tại phiên tòa vắng mặt anh K nhưng đã có lời khai của anh K trong biên bản ghi lời khai ngày 28/6/2021 và trong biên bản hòa giải ngày 09/7/2021, các đương sự đã thống nhất, thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cả hai khoản vay cho ngân hàng khi đến hạn trả nợ. Tại phiên tòa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn có ý kiến nhất trí với ý kiến thỏa thuận của chị K và anh K. Hội đồng xét xử thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Lý Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị K xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung đối với anh Lầu A K. Chấp nhận chị Lý Thị K tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa rút yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản chung đối với anh Lầu A K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị K được ly hôn anh Lầu A K.

- Về con chung: Giao con chung Lầu Mai D, sinh ngày 27/02/2012 và Lầu Văn T, sinh ngày 24/9/2013 cho anh Lầu A K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi con là 500.000đ/1 tháng (*năm trăm nghìn đồng/1 tháng*), cả hai con là 1.000.000đ/1 tháng (*một triệu đồng/1 tháng*) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Lý Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về phần tài sản chung giữa chị Lý Thị K với anh Lầu A K.

- Về nợ chung:

Chị Lý Thị K và anh Lầu A K mỗi người có trách nhiệm trả ½ (bằng 50 %) của số tiền nợ gốc là: 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng chẵn)* tương đương với số tiền nợ gốc là: 10.000.000đ *(mười triệu đồng chẵn)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn khi đến hạn trả nợ của khoản vay ngày 27/11/2017.

Chị Lý Thị K và anh Lầu A K mỗi người có trách nhiệm trả ½ (bằng 50%) của số tiền nợ gốc là: 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)* tương đương với số tiền nợ gốc là: 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng chẵn)* và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng giao dịch huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn khi đến hạn trả nợ của khoản vay ngày 05/9/2019.

2. Về án phí:

Chị Lý Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lý Thị K đã nộp theo biên lai số 0000606 ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lý Thị K phải còn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba*

trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

Việc thi hành án dân sự khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Xuân Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Cạn